

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM GIÀNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2019.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Ngạn.

2. Ông Hoàng Hồng Hà.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:***  
Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKKH: Số 18/15 phố ĐH, khu 3 phường VH, thành phố HD, tỉnh HD.

Nơi cư trú: Thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD.

- **Bị đơn:** Anh Huỳnh Công T, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKKH và nơi cư trú: Thôn TL, xã PT, huyện TP, tỉnh BD.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình*

*bày:* Chị và anh Huỳnh Công T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện TP, tỉnh BD vào ngày 07/9/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng ở thôn TT, xã PT, huyện TP, tỉnh BD. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng trong cuộc sống không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ tình cảm, công việc. Anh T không tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi bời, uống rượu, mỗi lần uống rượu về gây sự chửi bới thậm chí còn dùng bạo lực với chị làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi. Nhiều lần chị và gia đình lựa lời để khuyên bảo anh thay đổi cách sống nhưng anh không nghe, không quan tâm đến suy nghĩ của người khác. Cuối năm 2013 chị cùng con đã chuyển về bố mẹ đẻ chị để sinh sống. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị và anh T thỉnh thoảng có liên lạc với nhau bằng điện thoại nhưng chỉ liên lạc để hỏi thăm tình hình của con chứ không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể tháo gỡ được, thời gian sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Công T để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Huỳnh Trần Đức T1, sinh ngày 26/10/2011 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Công T trình bày:* Anh và chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã PT, huyện TP, tỉnh BD vào năm 2011. Anh chị chung sống đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không thấu hiểu nhau, không có tiếng nói chung. Tháng 9 năm 2013 chị N đã tự ý đưa con về gia đình chị ở Hải Dương sống ly thân với anh đến nay mà không trao đổi gì với anh. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Bản thân anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có biện pháp gì để hàn gắn nín kéo tình cảm nên chị N làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Hiện nay anh đang sinh sống tại xã PT, huyện TP, tỉnh BD nên anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Huỳnh Trần Đức T1, sinh ngày 26/10/2011 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn anh nhất trí để chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Huỳnh Công T.

+ Về con chung: Giao con chung Huỳnh Trần Đức T1, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện của chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị N hiện cư trú tại thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh HD. Bị đơn anh Huỳnh Công T có nơi cư trú tại thôn TL, xã PT, huyện TP, tỉnh BD. Tuy nhiên anh T và chị N có đơn thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án huyện Cẩm Giàng giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh T đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T.

**[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện TP, tỉnh BD vào ngày 07/9/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi nảy sinh mâu thuẫn, anh chị không tìm cách hàn gắn, tháo gỡ mà sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, không thể quay về chung sống cùng nhau được. Chị N xin ly hôn, anh T nhất trí, điều đó khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị N ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị xác định quá trình chung sống anh chị có một con chung là Huỳnh Trần Đức T1, sinh ngày 26/11/2011 hiện đang ở cùng chị N. Xét nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của con chung; để đảm bảo quyền lợi cho con chung ổn định về nơi ăn, chốn ở, điều kiện sinh hoạt của cháu Trí, HĐXX xét thấy cần giao cháu Huỳnh Trần Đức T1 cho chị N trực tiếp

nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh chị xác định không có tài sản chung, nợ chung và công sức nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Huỳnh Công T.

**2.** Về con chung: Giao con chung Huỳnh Trần Đức T1, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Trần Thị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

**3.** Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2017/0003374 ngày 19-4-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị N đã chấp hành xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhân:**

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cẩm Giàng;*
- *UBND xã PT, huyện TP, tỉnh BD (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân Hà**